

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2022.
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Được.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Vinh;
2. Bà Đậu Thị Mỹ Long.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại Diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2022, , giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm Đông Thượng, xã V, huyện C, Nghệ An. Xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn L1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố B, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam B5-Công an tỉnh Đồng Nai. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trịnh Thị L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trịnh Văn L1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đến đầu năm 2020 thì bà chuyển về nhà mẹ đẻ tại xóm Đông Thượng, xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An sinh sống và ly thân với ông L1 từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hòa

hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột. Không còn tình cảm với ông L1 nên bà xin được ly hôn với ông L1.

-Về con chung: Giữa bà và ông L1 có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Linh C, sinh ngày 29/11/2017; cháu Trịnh Thiên D, sinh ngày 20/01/2020. Ly hôn bà xin được nuôi dưỡng các con, không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng.

-Về Tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trịnh Văn L1 trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có nhiều bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay. Bà L xin ly hôn thì ông đồng ý.

-Về con chung: Giữa ông và bà L có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Linh C, sinh ngày 29/11/2017; cháu Trịnh Thiên D, sinh ngày 20/01/2020. Ly hôn ông đồng ý giao các con cho bà L nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

-Về Tài sản chung: Ông L1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Ông L1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Về con chung: Đề nghị giao 02 cháu Trịnh Thị Linh C, sinh ngày 29/11/2017; cháu Trịnh Thiên D, sinh ngày 20/01/2020 cho bà L nuôi, tạm thời ông L1 không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí bà L phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trịnh Thị L khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Trịnh Văn L1 có địa chỉ cư trú tại tổ 9, khu phố B, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trịnh Thị L và ông Trịnh Văn L1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 248/2017, ngày 14/7/2017. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa bà L và ông L1 xác định là hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành để giải quyết việc bà L xin ly hôn với ông L1.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông L1 là có thật, cả hai vợ chồng đều xác định không còn tình cảm với nhau, đều thừa nhận quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thực tế đã sống ly thân, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông L1 cũng đồng ý ly hôn. Xét đây là ý kiến tự nguyện của hai bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với bà ông L1.

[4] Về con chung:

Giữa bà L và ông L1 có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Linh C, sinh ngày 29/11/2017; cháu Trịnh Thiên D, sinh ngày 20/01/2020. Ly hôn bà L xin được nuôi các con, không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng. Ông L1 cũng xác định hiện nay không có điều kiện nuôi con nên đồng ý giao các con cho bà L nuôi, tạm thời ông không cấp dưỡng. Do vậy, cần giao cháu Trịnh Thị Linh C và cháu Trịnh Thiên D cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu nên tạm thời ông L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì L1 ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà L và ông L1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L và ông L1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

-Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị L.

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị L được ly hôn với ông Trịnh Văn L1.

2.Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Linh C, sinh ngày 29/11/2017; cháu Trịnh Thiên D, sinh ngày 20/01/2020 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì L1 ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông L1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4.Về nợ chung: Bà L và ông L1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5.Về án phí: Bà Trịnh Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại C cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 000839, ngày 23/12/2021 của C cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Bà L đã nộp xong tiền án phí.

6.Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Thị L và ông Trịnh Văn L1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- UBND phường Trảng Dài, TP Biên Hòa,
- T.Đồng Nai (CN số 248, ngày 14/7/2017;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được